TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAM RANH** **TỈNH KHÁNH HOÀ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2022
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAM RANH, TỈNH KHÁNH HÒA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Bảy Nhuận**
- Hội thẩm nhân dân: Ông **Đinh Văn Liêm**
  Bà **Trương Thị Diễm**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Hồng Lan -** Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 20/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/3/2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **T**, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường C, thành phố R, tỉnh K. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị **V**, sinh năm 1988.

Hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã Q, huyện X, tỉnh T.

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố N, phường C, thành phố R, tỉnh K. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/01/2022 và ngày 28/02/2022, bản tự khai ngày 25/3/2022 nguyên đơn anh T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị V tự nguyện sống chung với nhau từ tháng 01 năm 2019, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 116 ngày 26/10/2020.Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc nhưng từ đầu năm 2021 giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi vã, chị V có nhiều lời lẽ mang tính thù hằn, chửi rủa, hằn học qua tinh nhắn và các trang mạng xã hội đối với anh, vợ cũ và anh chị em

của anh. Nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không có hồi kết, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên anh yêu cầu được ly hôn với chị V.

- Về con chung: Anh và chị V có một con chung là cháu Q, sinh ngày 10/10/2020, hiện nay cháu đang ở với chị V nên anh yêu cầu Tòa án giao con chung cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và anh sẽ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng)/01 tháng cho tới khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập và niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập cho chị V nhưng chị V không đến Tòa án để làm việc nên không có lời khai.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T; về con chung: Giao con chung cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị V với số tiền 3.500.000đ/tháng cho tới khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu giải quyết, bị đơn vắng mặt không trình bày ý kiến nên không xem xét. Về án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc: "Ly hôn", do bị đơn là chị V hiện nay đang cư trú tại phường C, thành phố Cam Ranh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị V tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn ngày 26/10/2020 tại UBND phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng về sau thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hội đồng xét xử thấy rằng giữa hai vợ chồng tình cảm không còn, không thể hàn gắn được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, cho anh T ly hôn chị V để tạo điều kiện cho hai bên ổn định cuộc sống riêng.

[3.2] Về con chung: Anh T và chị V có một con chung là cháu Q, sinh ngày 10/10/2020. Hiện nay cháu Q đang ở với chị V, cháu Q chưa đủ 36 tháng tuổi, để tạo điều kiện cho cháu được chăm sóc và phát triển tốt nhất. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, giao con chung cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 3.500.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3.3] Về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn không trình bày quan điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh T và chị V.

1.2 Về con chung: Giao cháu Q, sinh ngày 10/10/2020 cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị V với số tiền 3.500.000đ *(Ba triệu năm trăm nghìn đồng)*/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi mọi mặt của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi

con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

1.3 Về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn không trình bày quan điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Anh T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí về cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số AA/2021/0006822 ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh. Như vậy, anh T còn phải nộp 450.000 đồng *(Bốn trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

* Quy định:

Kể từ ngày chị V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không thi hành khoản tiền phải trả thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.Cam Ranh;
- Chi Cục THADS Tp. Cam Ranh;
- UBND phường Cam Nghĩa
(số 116 ngày 26/10/2020);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án V.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bảy Nhuận